TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2020
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh;

Ông Trần Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Như Y, sinh năm 2001 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã Kh, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 6 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Nguyễn Như Y trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Như Y và anh Nguyễn Thành L kết hôn với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhiều lý do khác nhau nên vợ chồng không còn yêu nhau nữa. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ

chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, cho nên chị Y yêu cầu ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị Y đang mang thai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Sau khi chị Y sinh con thì chị Y sẽ yêu cầu sau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Thành L:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà anh L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Đồng thời, Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ 02 lần thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh L không tham gia nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Như Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn anh Nguyễn Thành L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh L là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Như Y và anh Nguyễn Thành L kết hôn với nhau từ năm 2019, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 66 ngày 08 tháng 11 năm 2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Y và anh L được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Xét thấy, chị Y xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, với nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh L. Mặt khác, anh L đã

được Tòa án thông báo hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng anh L vẫn vắng mặt, từ đó cho thấy anh L không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa chị Y với anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Y và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y. Chị Y được ly hôn với anh L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự *"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị Y phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Như Y. Chị Nguyễn Như Y được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, chị Y phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, chị Y có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003795 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- UBND xã Phong Lạc, H. Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TH

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo